TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

KHOA: KHOA HỌC XÃ HỘI

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về nhóm biên soạn đề cương / giảng viên

* Giảng viên 1

Họ và tên: **Mai Thị Hảo Yến**

Học hàm, học vị: Phó Giáo sư. Tiến sĩ

Chuyên ngành: Lý luận ngôn ngữ

Địa điểm làm việc: Văn phòng Bộ môn Ngôn ngữ học, khoa Khoa học xã hội, Nhà A6, CS chính, Trường ĐH Hồng Đức

Nhà riêng: Phòng 507, Nhà 10, D2, Khu Đông Phát, Phường Đông Vệ, TP. Thanh Hóa

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng khoa KHXH, Trường ĐH Hồng Đức

Mobile: 0984. 417. 120 Email: haoyendhhd@gmail.com

- Các hướng nghiên cứu chính: Ngữ dụng học, Ngôn ngữ và văn hóa, Ngôn ngữ đối chiếu …

* Giảng viên 2

- Họ và tên: Vũ Thị Thắng
- Học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Thời gian làm việc: Các ngày trong tuần (từ 8h00 đến 11h00)
- Địa điểm làm việc: BM Ngôn ngữ học, khoa Khoa học xã hội, trường ĐH Hồng Đức
- Địa chỉ làm việc: Khoa KHXH, Trường ĐH Hồng Đức
- Địa chỉ liên hệ: Bộ môn Ngôn ngữ học, Khoa KHXH, Trường ĐH Hồng Đức
- Điện thoại: 0949 133 948
- Email: Thangngonngu@gmail.com hoặc Vuthithang@hdu.edu.vn

- Các hướng nghiên cứu chính:

+ Việt ngữ học: Ngữ âm tiếng Việt, Từ vựng học tiếng Việt, Ngữ nghĩa học tiếng Việt, Phương ngữ học tiếng Việt và Thực hành tiếng Việt.

+ Ngôn ngữ và văn hóa: Các vấn đề về văn hóa Việt Nam từ góc độ ngôn ngữ học, định danh trong từ ngữ …

2. Thông tin chung về học phần

- Tên môn học: Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt
- Mã môn học: HĐDT 506
- Môn học: + Bắt buộc:

+ Lựa chọn: X

- Số tín chỉ: 02
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động

+ Lý thuyết, bài tập:18 + Kiểm tra thường xuyên: 2

+ Thực hành: 12 + Kiểm tra giữa kỳ (tiểu luận): 2

+ Thảo luận: 12 + Kiểm tra cuối kỳ:

+ Tự học: 90

- Địa chỉ các khoa/bộ môn phụ trách môn học: Bộ môn Ngôn ngữ học, khoa Khoa học xã hội, Nhà A6, CS chính, Trường ĐH Hồng Đức

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

3.1. Mục tiêu chung của học phần

Kiến thức: Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản, cần yếu về Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt gồm: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp; Giao tiếp bằng ngôn ngữ; Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt; Một số đặc trưng cơ bản của văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt.

Kỹ năng: Giúp HV rèn luyện và phát triển các kỹ năng cần thiết trong việc vận dụng những kiến thức cơ bản của Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt vào công việc nói chung.

Thái độ: Giúp HV hiểu những kiến thức cơ bản của Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt. Từ đó, có thái độ nghiêm túc để đạt mục tiêu học tập và làm việc với hiệu quả mong muốn.

3.2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Học viên có năng lực phân tích, miêu tả những vấn đề của Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt ở mức độ cơ bản và nâng cao.

- Học viên có năng lực vận dụng kiến thức ngôn ngữ nói chung để tìm hiểu các hiện tượng Ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp của người Việt trong tiếng Việt.

- Vận dụng kiến thức Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt trong công việc và đời sống.

4. Tóm tắt nội dung học phần (khoảng 150 từ)

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản gồm: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp; Giao tiếp bằng ngôn ngữ; Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt; Một số đặc trưng cơ bản của văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt.

5. Nội dung chi tiết học phần

5.1. Nội dung cốt lõi

- Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp;
- Giao tiếp bằng ngôn ngữ;
- Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt;
- Một số đặc trưng cơ bản của văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt.

5.2. Nội dung chi tiết học phần

Chương 1: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp

1.1. Khái quát về ngôn ngữ

1.1.1. Khái niệm ngôn ngữ

1.1.2. Tính hệ thống của ngôn ngữ

1.1.3. Đặc điểm ngôn ngữ tiếng Việt

1.2. Khái quát về văn hóa

1.2.1. Khái niệm văn hóa
1.2.2. Tính hệ thống của văn hóa
1.2.3. Đặc trưng văn hóa cơ bản của người Việt
1.3. Khái quát về giao tiếp
1.3.1. Khái niệm giao tiếp
1.3.2. Các hình thưc giao tiếp
1.3.3. Vai trò của giao tiếp
1.4. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa trong giao tiếp
1.4.1. Giao tiếp với văn hóa
1.4.2. Văn hóa và giao tiếp

Chương 2: Giao tiếp bằng ngôn ngữ

2.1. Khái niệm giao tiếp bằng ngôn ngữ
2.2. Các hình thức giao tiếp bằng ngôn ngữ
2.2.1. Giao tiếp bằng hình thức nói
2.2.2. Giao tiếp bằng hình thức viết
2.3. Vai trò của giao tiếp bằng ngôn ngữ
2.3.1. Vai trò của hình thức giao tiếp nói
2.3.2. Vai trò của hình thức giao tiếp viết

Chương 3. Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt

3.1. Các yếu tố cận lời và phi lời trong văn hóa giao tiếp của người Việt
3.1.1. Các yếu tố cận lời
3.1.2. Các yếu tố phi lời
3.2. Các yếu tố cơ bản của văn hóa chi phối giao tiếp của người Việt
3.2.1. Yếu tố về tuổi
3.2.2. Yếu tố về địa vị xã hội
3.2.3. Yếu tố về giới tính

6. Lịch trình và hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tổng
	Lý thuyết, Bài tập	Thực hành – Thực tập	Thảo luận nhóm / lớp (Nếu có)	Tự học, tự nghiên cứu	
Chương 1: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp 1.5. Khái quát về ngôn ngữ 1.5.1. Khái niệm ngôn ngữ 1.5.2. Tính hệ thống của ngôn ngữ 1.5.3. Đặc điểm ngôn ngữ tiếng Việt	3	2	2	10	27
Chương 1: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp (tiếp) 1.2. Khái quát về văn hóa 1.2.1. Khái niệm văn hóa 1.2.2. Tính hệ thống của văn hóa 1.2.3. Đặc trưng văn hóa cơ bản của người Việt	2	1	1	10	24
Chương 1: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp	2	1	1	10	24

(tiếp) 1,3. Khái quát về giao tiếp 1.3.1. Khái niệm giao tiếp 1.3.2. Các hình thực giao tiếp 1.3.3. Vai trò của giao tiếp					
Chương 1: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp (tiếp) 1.4.1. Giao tiếp với văn hóa 1.4.2.Văn hóa và giao tiếp	2	1	1	10	24
Chương 2: Giao tiếp bằng ngôn ngữ 2.1. Khái niệm giao tiếp bằng ngôn ngữ 2.2. Các hình thức giao tiếp bằng ngôn ngữ 2.2.1. Giao tiếp bằng hình thức nói 2.2.2. Giao tiếp bằng hình thức viết	3	2	2	10	27
Chương 2: Giao tiếp bằng ngôn ngữ (tiếp) 2.3. Vai trò của giao tiếp bằng ngôn ngữ 2.3.1. Vai trò của hình thức giao tiếp nói 2.3.2. Vai trò của hình thức	2	1	1	10	24

giao tiếp viết					
Chương 3. Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt 3.1. Các yếu tố cận lời và phi lời trong văn hóa giao tiếp của người Việt 3.1.1. Các yếu tố cận lời 3.1.2. Các yếu tố phi lời	2	2	2	15	21
Chương 3. Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt (tiếp) 3.2. Các yếu tố cơ bản của văn hóa chi phối giao tiếp của người Việt 3.2.1. Yếu tố về tuổi 3.2.2. Yếu tố về địa vị xã hội 3.2.3. Yếu tố về giới tính	2	2	2	15	21
Tổng	**18**	**12**	**12**	**90**	**132**

7. Học liệu

7.1. Học liệu bắt buộc

1. Nguyễn Đức Tồn (2010), *Đặc trưng văn hóa dân tộc của ngôn ngữ và tư duy*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

2. Hữu Đạt (2009), *Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

7.2. Học liệu tham khảo thêm

1. Trần Ngọc Thêm (2000), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.

2. Robeb Lado (2003), *Ngôn ngữ học qua các nền văn hóa*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

8. Hình thức kiểm ta – đánh giá kết quả học tập học phần

8.1. Hình thức kiểm tra – đánh giá thường xuyên: Tỷ lệ: 30%

- Mục đích: Đánh giá khả năng nắm bắt kiến thức và ý thức thái độ của học viên đối với môn học.

- Yêu cầu: Học viên tham gia đầy đủ các buổi học, chuẩn bị tốt các nội dung thảo luận, bài tập và tự học.

- Hình thức: Viết, vấn đáp hoặc kiểm tra nhanh (15 phút)

- Điểm kiểm tra - đánh giá thường xuyên được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

Căn cứ vào số tiết học có mặt trên lớp/nhóm của học viên đển giảng viên cho điểm chuyên cần:

Học viên tham gia:

+ 100% số tiết học của học phần đạt điểm 10;

+ 96 = 99% số tiết học của học phần đạt điểm 9;

+ 92 - 95% số tiết học của học phần đạt điểm 8;

+ 88 - 91% số tiết học của học phần đạt điểm 7;

8.2. Kiểm tra – đánh giá giữa kỳ: Tỷ lệ 20%

- Mục đích: Đánh giá năng lực khái quát, tổng hợp các nội dung đã học, kiểm tra kỹ năng nghiên cứu và xử lý vấn đề thuộc chuyên đề.

- Yêu cầu: Học viên chuẩn bị nội dung kiến thức đã học và tham dự đầy đủ.

- Hình thức: Viết bài tự luận hoặc làm tiểu luận.

- Điểm kiểm tra – đánh giá giữa kỳ được chấm theo tang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Hình thức kiểm tra: cho học viên làm bài 1 tiết trên lớp hoặc viết thu hoạch.

- Yêu cầu thực hiện khi dạy – học được ½ số giờ của học phần theo quy định.

8.3. Kiểm tra đánh giá hết học phần: Tỷ lệ 50%

- Mục đích: Đánh giá năng lực khái quát, tổng hợp các nội dung đã học, kiểm tra kỹ năng nghiên cứu và xử lý vấn đề thuộc môn học.
- Yêu cầu: Học viên chuẩn bị nội dung kiến thức đã học và tham dự đầy đủ.
- Hình thức: Viết bài tự luận hoặc làm tiểu luận

Điểm học phần: tính theo công thức:ĐHP = 0,3 TX + 0,2 GK + 0,5 ĐT. Trong đó: TX là điểm kiểm tra thường xuyên, GK là điểm kiểm tra giữa kỳ, ĐT là điểm thi cuối kỳ. Điểm số được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

8.4. Lịch thi, kiểm tra (Theo quy định)

Phê duyệt ngày tháng 7 năm 2020

Phê duyệt của Trường Trưởng khoa Trưởng BM Người biên soạn

Mai Văn Tùng Vũ Thị Thắng Mai Thị Hảo Yến